

Số: 709 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 399/TTr-TNMT ngày 15/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Thiên An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lục Nam; UBND xã Bảo Sơn; Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Thiên An và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ SỐ 2, XÃ BẢO SƠN, HUYỆN LỤC NAM
(Kèm theo Quyết định số 709 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Thiên An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 9,96 ha với quy mô dân số khoảng 1.200 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền; đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; trạm xử lý nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện và chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; khuôn viên cây xanh (CX4, CX5, CX6).

- Hoạt động của dự án đầu tư

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 6,5 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 9,96 ha đất, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, ruộng trũng ngập nước, ao nhỏ, đất trồng cây, đất hạ tầng giao thông và một phần là mương đất tiêu thoát nước nội đồng.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển vật tư, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp, san nền; Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu;

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; Từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; Từ quá trình hàn,...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị, rửa xe và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền, phá dỡ công trình nhà hiện trạng, di dời mỏ mả và chất thải rắn xây dựng thông thường là các chất rắn có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, bao bì carton sạch,... và các loại chất thải khác như đất đá, xi măng rơi vãi,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng, dịch vụ:

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, linh kiện điện tử hỏng; dầu thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp,...

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, dầu, mỡ,...vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật ...

+ Nước thải thi công bao gồm từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa xe...phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, dầu, mỡ,... vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san nền, từ hoạt động bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước kho rải nhựa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san nền; từ các máy móc, thiết bị thi công trên công trường có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi, VOC_s.

- Khí thải phát sinh do quá trình hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

- + Bụi, khí thải từ quá trình rải nhựa đường và thảm bê tông nhựa có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOC_s...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 43.754kg. Thành phần chủ yếu là gốc cây, thân, cành cây,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình di dời mô mã khoảng 1,8 tấn; từ hoạt động phá dỡ công trình nhà hiện trạng khoảng 324,6tấn. Thành phần chủ yếu là gạch, bê tông vỡ,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng khoảng 574,8 tấn.

- Đất đào phát sinh khoảng 5,08 tấn.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, que hàn thải... phát sinh khoảng 1.380kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội của khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển...

- Tác động do sự cố như: Tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

- + Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống của dự án, từ công trình công cộng dịch vụ trong khu vực dự án phát sinh khoảng 146,4 m³/ngày; nước thải sinh hoạt từ dự án ở giai đoạn 02 theo quy hoạch 37 ha tại Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện Lục Nam khoảng 240m³. Tổng lượng nước thải cần xử lý cho cả 2 giai đoạn (quy mô 3.200 người, diện tích 37ha) khoảng 386,4 m³. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Nitơ, tổng phốt pho, Coliform...

- + Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án kéo chất thải rắn, chất rắn lơ lửng, bụi bẩn, lá cây, dầu mỡ,...vào nguồn tiếp nhận

- Bụi, khí thải:

- + Khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, C_xH_y, CO, NO₂, SO₂...

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO₂, THC,...

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi từ hệ thống thu gom nước thải, từ trạm xử lý nước thải.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ sinh hoạt của người dân sinh sống trong khu vực dự án phát sinh khoảng 1.056 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại của các công trình phát sinh khoảng 48 m³/năm.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải khoảng 40,6 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Chất thải từ quá trình cắt tỉa cành cây xanh khoảng 02 tấn/06 tháng; bùn và rác thải phát sinh từ quá trình nạo vét hồ ga, rãnh tiêu thoát nước khoảng 130 tấn/03 tháng,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu thải, pin thải,...phát sinh khoảng 3.226,5 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông, kinh doanh dịch vụ.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực, an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt; sự cố hệ thống thu gom nước thải, sự cố trạm xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt

Bố trí 03 nhà vệ sinh di động có dung tích bể thải từ 07m³ đến 10m³ thiết kế đồng bộ hợp khối (bể xử lý 03 ngăn) đặt nổi, để thu gom nước thải sinh hoạt. Định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm E.M để tăng cường hiệu quả xử lý nước thải; hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (Tần suất khoảng 1 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy), không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải thi công: Bố trí hồ lắng cặn thể tích 6m³ có lắp vải tách dầu, nắp đậy bê tông cốt thép (Sử dụng vải tách dầu mỡ tại miệng hồ lắng, loại vải này có khả năng ngăn dầu mỡ trong nước, phần váng dầu thu vào các phuy chứa và xử lý như chất thải nguy hại). Nước thải thi công sau hồ lắng lại được đưa về máng lợi rửa xe tuần hoàn tái sử dụng. Khi kết thúc hoạt động thi công, bùn lắng được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Định kỳ khoảng 03-04 tuần tiến hành thay thế loại vải này. Vải nhiễm dầu mỡ này được xử lý như chất thải nguy hại.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn tự chảy theo độ dốc mặt bằng chảy vào mương thoát nước của khu vực hoặc có những chỗ lắng đọng không tự thoát được tiến hành khơi rãnh trên bề mặt đất (kích thước 0,5mx0,5m) để dẫn thoát; dọc theo các rãnh bố trí các hố để thu bùn cát, rác và được nạo vét thường xuyên. Nước mưa sau khi qua hệ thống rãnh thoát nước bố trí hố lắng tạm thời để lắng lọc sơ bộ trước khi thoát vào kênh tiêu thoát nước của khu vực.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước trong khu vực thực hiện dự án và tuyến đường vận chuyển (trong các khu đất thi công trong dự án và đường lối cổng ra vào dự án khoảng 500m về mỗi phía tính từ cổng) với tần suất trung bình 02 lần/ngày, tăng lên 04 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Sử dụng tường rào bằng tôn cao 2,5 m để vây chắn quanh công trường sẽ làm giảm bụi phát tán ra các khu vực xung quanh.

- Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng được kiểm tra sự phát thải khí theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành đối với CO, hydrocarbon và khói bụi.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị thi công 03-06 tháng/lần .

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng:

+ Làm sạch bụi mặt đường trước khi trải nhựa đường, ưu tiên dùng xe hút bụi công nghiệp thay cho phương pháp thủ công. Bụi hút được tận dụng san lấp tại chỗ.

+ Trước khi rải lớp bê tông nhựa thực hiện làm sạch, phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại thực hiện che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn (tối thiểu 10m).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/ngày)

- Chất thải rắn thông thường

+ Đối với chất thải phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Cho người dân tận dụng tối đa, phần còn lại chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Các loại đất, đá,...từ quá trình đào đất được tận dụng để san nền, toàn bộ đất đào, bóc hữu cơ bề mặt thi công đường giao thông được tận dụng để san lấp mặt bằng, trồng cây xanh.

+ Đối với chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ nhà, di dời mộ

++ Đối với chất thải có thể tái sử dụng như đầu mẩu sắt thừa,...: Thu gom sau đó bán cho cơ sở có chức năng.

++ Đối với đất, đá, bê tông hỏng,...: Một phần được tận dụng san nền tại khu vực dự án, phần còn lại không tận dụng được: Thu gom vào bãi chứa chất thải rắn xây dựng tạm thời có diện tích 15m² sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tuần).

+ Chất thải rắn thi công xây dựng được phân loại

++ Đối với chất thải tái chế như bao bì, mẩu sắt thừa,...được thu gom bán cho cơ sở có chức năng.

++ Đối với bê tông, gạch vỡ tận dụng san nền khu vực dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng được dán tên chất thải, mã số chất thải đặt tại kho chứa có diện tích 06 m² để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân thi công tại công trường như: Bịt tai, găng tay, ủng, quần áo, mũ bảo hộ,.....

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc 03 tháng/lần.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định.

- Thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ; công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Thành lập Ban chỉ huy và thường xuyên tổ chức tập huấn định kỳ về công tác phòng cháy, chữa cháy. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại hai đầu các đoạn đường có khu vực công trường thi công để cảnh báo và tránh các tai nạn đáng tiếc. Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm. Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt (bao gồm nước từ nhà vệ sinh, nhà bếp của các hộ gia đình) của khu dự án được thoát vào hố ga và hệ thống rãnh xây B400 sau nhà kết hợp với đường ống thoát nước thải D300, D400 trên vỉa hè để thu về trạm xử lý nước thải với công suất 450m³/ngày đêm đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án nằm ở phía Nam cạnh khuôn viên cây xanh để xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát ra tuyến kênh nhánh của địa phương rồi thoát ra kênh tiêu Ngòi Sen do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương quản lý.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày, đêm để thu gom, xử lý nước thải đối với toàn bộ nước thải dự kiến phát sinh từ dự án khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện Lục Nam về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500). Nước thải phát sinh từ giai đoạn sau trên diện tích còn lại của khu vực quy hoạch được đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m³/ngày, đêm được xây dựng tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án.

*** Nước mưa chảy tràn**

- Hướng thoát nước: Lưu vực thoát nước của dự án từ Tây sang Đông khu vực dự án, sau đó thoát ra mương tiêu thoát nước hiện trạng của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng mạng lưới thoát nước riêng biệt. Phương án thiết kế cụ thể như sau:

+ Nước mưa được thu theo các miệng thu đặt sát bó vỉa rồi chảy vào hệ thống cống thoát nước đặt trên vỉa hè rồi thoát ra tuyến cống chính đặt dưới vỉa hè phân cách và lòng đường của trục đường chính của dự án, sau đó thoát ra mương tiêu thoát nước hiện trạng của khu vực.

+ Cống thoát nước dọc đường sử dụng cống tròn bê tông cốt thép (BTCT) đường kính D600 đến D1250 mm tải trọng tiêu chuẩn. Cống thoát nước ngang đường từ cửa thu nước vào ga sử dụng cống BTCT D400, sau đó thoát ra mương tiêu thoát nước hiện trạng của khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

- Đối với trạm xử lý nước thải: Các bể trong trạm xử lý nước thải được xây kín ngăn mùi phát sinh ra ngoài. Mùi phát sinh trong các bể được hệ thống quạt hút mùi từ các lỗ thông của bể xử lý nước thải để dẫn khí gây mùi vào xử lý tại

tháp xử lý. Trong tháp xử lý có chứa than hoạt tính để xử lý mùi trước khi thoát ra ngoài môi trường. Định kỳ 06 tháng/lần thay mới than hoạt tính để tăng hiệu suất xử lý mùi. Ngoài ra chủ dự án thực hiện trồng dải cây xanh cách ly rộng 10m xung quanh trạm xử lý nước thải tập trung.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Mỗi hộ gia đình phải tự trang bị thùng đựng rác riêng. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định

- Tại khu vực công cộng, hồ cảnh quan: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án bố trí các thùng rác công cộng 02 ngăn loại 80lít có mái che đặt cách nhau 50 đến 120m số lượng dự kiến khoảng 04 thùng. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 01 lần/năm.

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

- Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: định kỳ 03 tháng/lần; đối với cây cối: vận chuyển khi phát sinh).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Đối với dầu thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu trạm biến áp: đơn vị quản lý vận hành (Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thụ tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100m÷150m/hạng, theo tiêu chuẩn hiện hành. Đảm bảo bán kính phục vụ không quá 150 (m).

- Phân chia làn đường. Kẻ vạch đường chỉ dẫn. Lắp biển báo giao thông. Bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

- Tổ chức nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho khu vực dự án đặc biệt trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Định kỳ 03 tháng/lần, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải của dự án.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực lán trại công nhân; 01 vị trí tại khu vực đang thi công tại khu vực dự án.

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, CO, tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành (đơn vị được bàn giao quản lý dự án thực hiện)

* Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo

cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 399/TTr-TNMT ngày 15/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.